

Số:739/2022/QĐST-HNGĐ
2022

Thành P1hố Huế, ngày 24 tháng 11 năm

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH P1HỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 754/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị P1, sinh năm: 1984

Địa chỉ: 54/93 A, phường B, thành phố C, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Lê Văn P2, sinh năm: 1982

Địa chỉ: 54/93 A, phường B, thành phố C, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị P1 và anh Lê Văn P2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Chị Trần Thị P1 và anh Lê Văn P2 cùng xác nhận vợ chồng chung sống có 3 con chung tên là Lê Thị Thúy M, sinh ngày 25/8/2003; Lê Thị Tú V, sinh ngày 10/5/2011 và Lê Thị Thùy T, sinh ngày 20/12/2013. Hiện nay

cháu V và cháu T đang ở với chị P1 và anh P2. Chị Trần Thị P1 và anh Lê Văn P2 thỏa thuận giao con chung là cháu Lê Thị Thùy T cho chị Trần Thị P1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); giao cháu Lê Thị Tú V cho anh Lê Văn P2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Lê Thị Thúy M đã trưởng thành nên anh phòng và chị P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp P1 nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: Chị Trần Thị P1 và anh Lê Văn P2 cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Chị Trần Thị P1 và anh Lê Văn P2 cùng xác nhận vợ chồng chung sống không có nợ nần gì của ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án P1hí: Các đương sự phải chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, chị P1 phải chịu 75.000 đồng, anh phòng phải chịu 75.000 đồng. Hai bên thỏa thuận chị Trần Thị P1 chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị P1 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0004646 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị P1 số tiền chênh lệch 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tP1 Huế;
- UBND P1hước Vĩnh, tP1 Huế;
- (ĐK ngày 01/2/2005)
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Chi cục THADS tP1 Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

THẨM P1HÁN

NGUYỄN HƯƠNG LAN